

Số: **933** /QĐ - UBND

Thanh Hóa, ngày **30** tháng **3** năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt phân bổ kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ tiền ăn, tiền nhà ở cho các đối tượng thuộc diện được thụ hưởng chính sách thuộc tỉnh Thanh Hóa theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ năm học 2016 - 2017.

CHỦ TỊCH UBND TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015 của Quốc hội; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về việc: “Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước”;

Căn cứ Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về việc: “Quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn”;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa: Quyết định số 4763/2016/QĐ-UBND ngày 09/12/2016 về: “Giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2017”; Quyết định số 624/QĐ-UBND ngày 28/02/2017 về việc: “Phê duyệt danh sách học sinh học tại các trường trung học phổ thông, trường trung học cơ sở và trung học phổ thông được hưởng chính sách hỗ trợ theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ năm học 2016-2017”;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tỉnh Thanh Hóa tại Công văn số 1048/STC-HCSN ngày 22/3/2017 về việc: “Đề nghị phân bổ kinh phí tiền ăn, tiền ở thực hiện chính sách hỗ trợ theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP của Chính phủ năm học 2016 - 2017”,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phân bổ kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ tiền ăn, tiền nhà ở cho các đối tượng thuộc diện được thụ hưởng chính sách thuộc tỉnh Thanh Hóa theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ năm học 2016 - 2017 để các ngành, các đơn vị có liên quan thực hiện; với các nội dung chủ yếu sau:

1. Nguyên tắc phân bổ kinh phí hỗ trợ

Phân bổ kinh phí hỗ trợ tiền ăn, tiền nhà ở theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ năm học 2016-2017 theo

danh sách học sinh được phê duyệt tại Quyết định số 624/QĐ-UBND ngày 28/02/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa.

2. Đối tượng, thời gian và định mức được hưởng

2.1. Đối tượng được hưởng

Là học sinh đang học tại các trường THPT, trường THCS&THPT là người dân tộc thiểu số; là người dân tộc Kinh thuộc hộ nghèo ở xã, thôn có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc miền núi, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo được phê duyệt danh sách tại Quyết định số 624/QĐ-UBND ngày 28/02/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh.

2.2. Thời gian và định mức hỗ trợ

a) Hỗ trợ tiền ăn: Mỗi học sinh được hỗ trợ mỗi tháng bằng 40% mức lương cơ sở và được hưởng không quá 09 tháng/năm học/học sinh.

b) Hỗ trợ tiền nhà ở: Đối với học sinh phải tự túc chỗ ở do nhà trường không thể bố trí ở bán trú trong trường, mỗi tháng được hỗ trợ bằng 10% mức lương cơ sở và được hưởng không quá 09 tháng/năm học/học sinh.

3. Kinh phí hỗ trợ

3.1. Tổng số học sinh thuộc đối tượng được hưởng chính sách theo quy định: 7.830 học sinh (Bảy nghìn, tám trăm ba mươi học sinh).

Trong đó:

a) Số học sinh được hỗ trợ tiền ăn và tiền nhà ở: 7.302 học sinh.

b) Số học sinh được hỗ trợ tiền ăn: 528 học sinh.

3.2. Nhu cầu kinh phí năm học 2016-2017 là: 42.059.358.000,0 đồng (Bốn mươi hai tỷ, không trăm năm mươi chín triệu, ba trăm năm mươi tám nghìn đồng).

Trong đó:

a) Kinh phí hỗ trợ tiền ăn: 34.107.480.000,0 đồng.

b) Kinh phí hỗ trợ tiền nhà ở: 7.951.878.000,0 đồng.

3.3. Kinh phí phân bổ đợt này:

a) Tổng số: 27.859.699.000,0 đồng (Hai mươi bảy tỷ, tám trăm năm mươi chín triệu, sáu trăm chín mươi chín nghìn đồng).

(Có phụ biểu số liệu chi tiết kèm theo)

b) Nguồn kinh phí: Từ nguồn kinh phí hỗ trợ học sinh các trường THPT vùng đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP (số tiền 47.350,0 triệu đồng) tại Quyết định số 4763/QĐ-UBND ngày 9/12/2016 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc: “Giao dự toán thu ngân sách địa phương, chi ngân sách địa phương và phương án phân bổ dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017”.

4. Tổ chức thực hiện.

4.1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa có trách nhiệm thực hiện các thủ tục nghiệp vụ thông báo bổ sung có mục tiêu kinh phí hỗ trợ cho các đơn vị để thực hiện chính sách theo đúng quy định hiện hành của nhà nước.

4.2. Sở Tài chính phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện chính sách của các đơn vị, địa phương đảm bảo theo đúng các quy định của pháp luật.

4.3. Thủ trưởng các ngành và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng nguồn kinh phí đúng mục đích, đối tượng và thanh quyết toán theo đúng các quy định hiện hành; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh và pháp luật về các quyết định của mình có liên quan.

Điều 2. Sở Tài chính, Sở Giáo dục và Đào tạo, Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các ngành và đơn vị có liên quan căn cứ vào nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này có trách nhiệm tổ chức thực hiện, đảm bảo theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Giáo dục và Đào tạo; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các ngành, các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /



Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ (để thực hiện);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTC Thn201739 (15).

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Đăng Quyền

NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH 116/2016/NĐ-CP NGÀY 18/7/2016 CỦA CHÍNH PHỦ

NĂM HỌC 2016-2017

(Kèm theo Quyết định số : 933/QĐ-UBND ngày 30/3/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: Nghìn đồng

STT	Tên đơn vị	Hỗ trợ tiền ăn				Hỗ trợ nhà ở				Nhu cầu thực hiện năm học 2016-2017	Nguồn kinh phí dư năm trước chuyển sang	Kinh phí hỗ trợ phân bổ đợt này
		Số học sinh	Mức hỗ trợ tiền ăn	Số tháng được hưởng	Nhu cầu kinh phí thực hiện	Số học sinh	Mức hỗ trợ tiền nhà ở	Số tháng được hưởng	Nhu cầu kinh phí thực hiện			
	Tổng cộng:	7 830			34 107 480	7 302			7 951 878	42 059 358	14 363 174	27 859 699
1	Trường THPT Hà Trung	11	484	9	47 916	11	121	9	11 979	59 895	25 420	34 475
2	Trường THPT Hoàng Lê Kha	1	484	9	4 356	1	121	9	1 089	5 445		5 445
3	Trường THPT Lương Đắc Bằng	4	484	9	17 424	4	121	9	4 356	21 780	53 810	
4	Trường THPT Lê Viết Tạo	9	484	9	39 204	9	121	9	9 801	49 005	19 750	29 255
5	Trường THPT Đinh Chương Dương	13	484	9	56 628	13	121	9	14 157	70 785		70 785
6	Trường THPT Tĩnh Gia I	13	484	9	56 628	13	121	9	14 157	70 785		70 785
7	Trường THPT Tĩnh Gia III	24	484	9	104 544	24	121	9	26 136	130 680		130 680
8	Trường THPT Tĩnh Gia V	10	484	9	43 560	10	121	9	10 890	54 450		54 450
9	Trường THPT Lam Kinh	3	484	9	13 068	3	121	9	3 267	16 335	9 440	6 895
10	Trường THPT Thọ Xuân 5	23	484	9	100 188	23	121	9	25 047	125 235	51 425	73 810
11	Trường THPT Vĩnh Lộc	3	484	9	13 068	3	121	9	3 267	16 335		16 335
12	Trường THPT Trần Khát Chân	18	484	9	78 408	18	121	9	19 602	98 010		98 010
13	Trường THPT Yên Định III	17	484	9	74 052	17	121	9	18 513	92 565	15 365	77 200
14	Trường THPT Thống Nhất	49	484	9	213 444	49	121	9	53 361	266 805	70 365	196 440
15	Trường THPT Thạch Thành I	22	484	9	95 832	22	121	9	23 958	119 790	53 950	65 840
16	Trường THPT Thạch Thành II	40	484	9	174 240	40	121	9	43 560	217 800	75 855	141 945
17	Trường THPT Cẩm Thủy I	136	484	9	592 416	136	121	9	148 104	740 520		740 520
18	Trường THPT Cẩm Thủy II	61	484	9	265 716	61	121	9	66 429	332 145		332 145
19	Trường THPT Ngọc Lặc	322	484	9	1 402 632	322	121	9	350 658	1 753 290	776 430	976 860
20	Trường THPT Lê Lai	254	484	9	1 106 424	254	121	9	276 606	1 383 030	589 000	794 030
21	Trường THPT Như Thanh	189	484	9	823 284	189	121	9	205 821	1 029 105	825 435	203 670
22	Trường THPT Thạch Thành III	222	484	9	967 032	222	121	9	241 758	1 208 790	401 905	806 885
23	Trường THPT Thạch Thành IV	95	484	9	413 820	95	121	9	103 455	517 275	648 760	
24	Trường THPT Cẩm Thủy III	98	484	9	426 888	98	121	9	106 722	533 610		533 610

XTM

STT	Tên đơn vị	Hỗ trợ tiền ăn				Hỗ trợ nhà ở				Nhu cầu thực hiện năm học 2016-2017	Nguồn kinh phí dự năm trước chuyển sang	Kinh phí hỗ trợ phân bổ đợt này
		Số học sinh	Mức hỗ trợ tiền ăn	Số tháng được hưởng	Nhu cầu kinh phí thực hiện	Số học sinh	Mức hỗ trợ tiền nhà ở	Số tháng được hưởng	Nhu cầu kinh phí thực hiện			
25	Trường THPT Lang Chánh	565	484	9	2 461 140	393	121	9	427 977	2 889 117	1 182 815	1 706 302
26	Trường THPT Bá Thước	434	484	9	1 890 504	434	121	9	472 626	2 363 130		2 363 130
27	Trường THPT Bá Thước 3	242	484	9	1 054 152	242	121	9	263 538	1 317 690	170 224	1 147 466
28	Trường THPT Hà Văn Mao	336	484	9	1 463 616	336	121	9	365 904	1 829 520		1 829 520
29	Trường PTTH Bắc Sơn	167	484	9	727 452	167	121	9	181 863	909 315	304 250	605 065
30	Trường THPT Quan Hoá	361	484	9	1 572 516	361	121	9	393 129	1 965 645	773 055	1 192 590
31	Trường THCS và THPT Quan Hoá	336	484	9	1 463 616	336	121	9	365 904	1 829 520	932 075	897 445
32	Trường THPT Quan Sơn	526	484	9	2 291 256	493	121	9	536 877	2 828 133		2 828 133
33	Trường THPT Quan Sơn II	317	484	9	1 380 852	296	121	9	322 344	1 703 196	605 685	1 097 511
34	Trường THPT Mường Lát	595	484	9	2 591 820	339	121	9	369 171	2 960 991	2 522 850	438 141
35	Trường THPT Cẩm Bá Thước	181	484	9	788 436	181	121	9	197 109	985 545	822 300	163 245
36	Trường THPT Thường Xuân II	513	484	9	2 234 628	467	121	9	508 563	2 743 191		2 743 191
37	Trường THPT Thường Xuân III	519	484	9	2 260 764	519	121	9	565 191	2 825 955	1 186 000	1 639 955
38	Trường THPT Như Thanh 2	341	484	9	1 485 396	341	121	9	371 349	1 856 745	556 775	1 299 970
39	Trường THCS và THPT Như Thanh	143	484	9	622 908	143	121	9	155 727	778 635	208 825	569 810
40	Trường THPT Như Xuân 2	92	484	9	400 752	92	121	9	100 188	500 940	434 805	66 135
41	Trường THPT Như Xuân	525	484	9	2 286 900	525	121	9	571 725	2 858 625	1 046 605	1 812 020

ĐHM